TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐST- DS	*Huyện T, ngày 21 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 13, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 63/2018/TLST - DS, ngày 17 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Trụ sở: 25 phố T, quận H, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Đ (văn bản ủy quyền số 15118/2018/UQ – SeAbank ngày 11/10/2018).

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân V - Sinh năm 1974

Chị Đỗ Thị M - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Đội 12, Thôn N, xã Đ, Huyện T, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Xuân V - Sinh năm 1974

- Chị Đỗ Thị M - Sinh năm 1978

- Cháu Nguyễn Xuân Thành Đ – Sinh năm 2007

- Cháu Nguyễn Xuân M - Sinh năm 2010

(Cháu Đ, cháu M là con anh V, chị M do anh V, chị M là đại diện theo pháp luật).

Địa chỉ: Đội 12, Thôn N, xã Đ, Huyện T, Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, anh Nguyễn Xuân V, chị Đỗ Thị M (anh V, chị M đồng thời là đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Xuân Thành Đ và cháu Nguyễn Xuân M) cùng xác nhận:

- Tính đến ngày 13/3/2019, vợ chồng anh Nguyễn Xuân V, chị Đỗ Thị M còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo hợp đồng tín dụng số 38.16.0553/SEAHOME ngày 29/7/2016 các khoản như sau:

+ Nợ gốc trong hạn: 226.829.272 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 23.676.749 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 2.870.109 đồng

Tổng cộng là 253.376.130đồng.

- Kể từ ngày 14/3/2019, anh Nguyễn Xuân V, chị Đỗ Thị M còn phải trả lãi cho Ngân hàng trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 38.16.0553/SEAHOME ngày 29/7/2016 giữa Ngân hàng với vợ chồng anh V, chị M.

2.2. Vợ chồng anh Nguyễn Xuân V, chị Đỗ Thị M có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 253.376.130đồng trước ngày 31/10/2019, cụ thể như sau:

+ Từ tháng 4 năm 2019, mỗi tháng anh V, chị M thanh toán trả Ngân hàng tối thiểu 6.000.000đồng (được trừ vào nợ gốc);

+ Ngày 31/10/2019, anh V, chị M tất toán toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng (bao gồm nợ gốc còn lại và các khoản lãi suất và các chi phí phát sinh khác) theo hợp đồng tín dụng số 38.16.0553/SEAHOME ngày 29/7/2016.

Nếu hết thời hạn thanh toán nêu trên, anh V, chị M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 04 tờ bản đồ số 21- Đội 12, Thôn N, xã Đ, Huyện T, Hà Nội (*diện tích đo đạc thực*

tế là 56m2 - theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/01/2019) đã được Sở tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận QSD đất số CC 245932 ngày 09/12/2015 mang tên Nguyễn Xuân V, Đỗ Thị M theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1378.2016/HĐTC, quyển số: 01 TP/CC – SCC/HĐGD ký ngày 29/7/2016 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tú, Hà Nội giữa Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Đống Đa với anh Nguyễn Xuân V, chị Đỗ Thị M để thu hồi nợ.

2.3. Anh Nguyễn Xuân V, chị Đỗ Thị M tự nguyện nộp cả 6.334.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 6.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 008411 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài